

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 02 – 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài.

2. Ông Phan Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1983.

Địa chỉ HKTT: Ấp Hạ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phạm Thành C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; anh Phạm Thành C vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2024, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phạm Thành C tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do mai mối, có tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc, nhưng đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong gia đình. Từ tháng 7/2023 thì vợ chồng sống ly thân đến nay không hàn gắn tình cảm với nhau được, do chị H thấy anh C không có thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh C có con chung tên Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 12/02/2003, Phạm Minh T, sinh ngày 01/5/2006. Nay các con chung đều đã đủ 18 tuổi, nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải, bị đơn anh Phạm Thành C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Phạm Thành C và chị Nguyễn Thị Kim H được mai mối, sau đó tự tìm hiểu được hơn 01 năm thì tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới thì vợ chồng được cha mẹ anh C cho đất cất nhà ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc, nhưng đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã với nhau về chuyện đi học của con cái, chuyện tiền bạc trong gia đình. Cũng trong tháng 7/2023, khi vợ chồng cãi nhau thì chị H gọi gia đình chị H qua rước chị H về nhà cha mẹ chị H tại ấp T, xã T, huyện T sinh sống và không đồng ý về sống chung với anh C nữa, mặc dù anh C và gia đình anh C đã qua nhà cha mẹ chị H năn nỉ, hàn gắn vợ chồng nhiều lần nhưng chị H vẫn không đồng ý. Do đó, từ tháng 7/2023 đến nay thì anh C và chị H sống ly thân với nhau mà không hàn gắn được. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh C không thống nhất ly hôn với chị H, lý do anh C còn tình cảm với chị H và anh C muốn hai con có gia đình đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: Anh C đồng ý với chị H về việc vợ chồng có con chung tên Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 12/02/2003, Phạm Minh T, sinh ngày 01/5/2006. Nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim H. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Phạm Thành C. Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 12/02/2003, Phạm Minh T, sinh ngày 01/5/2006 đều đã đủ 18 tuổi, nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).
- Giấy khai sinh con chung (Bản sao).
- Biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Kim H ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình (Bản chính).
- Bản tự khai ngày 07/01/2025 của anh Phạm Thành C (Bản chính).
- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 05/02/2025 của chị Nguyễn Thị Kim H (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Thành C cư trú tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Thành C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng

cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thành C; anh Phạm Thành C không thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định trong quá trình sống chung đến tháng 7/2023 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Từ tháng 07/2023 đến nay, chị H và anh C sống ly thân mà không hàn gắn được. Nay chị H không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu ly hôn với anh C. Anh C xác định đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do cãi vã với nhau về chuyện đi học của con cái, tiền bạc trong gia đình nên vợ chồng ly thân từ tháng 7/2023 đến nay; anh C có liên hệ trao đổi hàn gắn nhưng chị H không đồng ý. Anh C không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với chị H, muốn hai con có đủ cha mẹ.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Từ trình bày của chị H và anh C cho thấy chị H và anh C đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng về việc thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình từ tháng 7/2023 đến nay. Tòa án đã triệu tập họp lệ, nhưng anh C vắng mặt tại phiên tòa 02 lần mà không có lý do chính đáng; cho thấy anh C không thể hiện được mong muốn hàn gắn với chị H trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Do đó, chị H yêu cầu ly hôn với anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận. Lý do anh C trình bày không muốn ly hôn với chị H là không phù hợp tình trạng hôn nhân của anh chị, nên không được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh C xác định anh chị có hai con chung tên Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 12/02/2003, Phạm Minh T, sinh ngày 01/5/2006. Chị H và anh C thống nhất xác định con chung đã đủ 18 tuổi, nên không yêu cầu giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phạm Thành C xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Thành C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Phạm Thành C.

2. Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 12/02/2003, Phạm Minh T, sinh ngày 01/5/2006 hiện nay đã thành niên đủ 18 tuổi, không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phạm Thành C không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007122 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ

thẩm.

Anh Phạm Thành C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Bình (Đăng ký kết hôn số 23, quyền I, ngày 29/8/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang